TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 11năm 2019
(V/v: TrA chấp Hôn nhân và gia đình)

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- *Thư ký phiên tòa*:Bà Tưởng Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên toà:*

Bà Nguyễn Thị Khuyến,Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:330/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về TrA chấp Hôn nhân và gia đìnhtheo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số:63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày11 tháng10năm2019và Quyết Đ hoãn phiên tòa số: 41/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Chị **Bùi Thị Đ** - sinh năm 1987

Nguyên quán: thôn BC, xã NS, huyện KB, tỉnh Hòa Bình.

Nơi ĐKHKTT: thôn NX, xã VT, huyện UH, Thành phố Hà Nội.

Bịđơn:A**Nguyễn Văn H**-sinh năm 1986

**** Người làm chứng:*** Ông **Nguyễn Văn L** -sinh năm 1960 (Bố đẻ A H).

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn NX, xã VT, huyện UH, TP Hà Nội.

(Chị Đ có đơn xin vắng mặt; A H và ông L đềuvắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án,chịBùi Thị Đ là nguyên đơn trình bày:Chị và A Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do A chị chưa có nhiều thời gian tìm hiểu kỹ về nhau nên ngay khi về chung sống với nhau chị nhận thấy tính cách, lối sống của hai vợ chồng không hợp nhau, khi cưới về chị mới biết A H là người ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, nhiều lần chị pH trả nợ cho A H. A H không đỡ đần được chị việc gì trong gia đình, một mình chị pH

cáng đáng mọi chuyện. Chị cố gắng nhẫn nhịn chung sống với A H đến thời điểm này cũng chỉ vì nghĩ thương hai con chị còn nhỏ và chị không muốn bố mẹ đẻ chị pH buồn. Tuy nhiên, cho đến đầu năm 2019 chị và A H xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nên chị bỏ đi khỏi nhà A H, hai vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay khoảng 7 tháng. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm với A H, chị cũng không muốn tiếp tục chung sống với người chồng như A H nên chị làm đơn xin được ly hôn với A H.

Về con chung: chị và A H có 02 con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 11/9/2011 và Nguyễn Ngọc Thùy C, sinh ngày 12/3/2015. Hiện cả hai cháu đều đang ở với ông bà nội, chị đang làm công nhân tại công ty SamSung Thái Nguyên, thu nhập của chị hàng tháng bình quân từ 10 triệu đến 15 triệu đồng/tháng. Hiện nay, chị đang ở ký túc xá của Công ty. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu A H pH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không đề nghị Toà án giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án,A Nguyễn Văn H là bị đơn trình bày:*A vàchị Nguyễn Thị Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT năm 2010. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu A thừa nhận là do A ham chơi bời, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Nhưng theo A đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ xong rồi lại thôi. A thừa nhận hai vợ chồng A có mấy lần đánh cãi chửi nhau. Tuy nhiên, khoảng tháng 2 năm 2019 mâu thuẫn giữa A với chị Đ trở nên trầm trọng hơn nên hai vợ chồng A sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn A, A nhận thấy chị Đ có thái độ cương quyết xin ly hôn, A không đồng ý ly hôn vì A vẫn còn tình cảm với chị Đ và vì 02 con A còn nhỏ A không muốn các con pH sống cảnh có bố mà không có mẹ hoặc ngược lại.

Về con chung: A và chị Đ có 02 con chung: Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 11/9/2011 và Nguyễn Ngọc Thùy C, sinh ngày 12/3/2015. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với ông bà nội.Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, A có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Đ pH cấp dưỡng nuôi con cho A.

Hiện nay A làm nghề thợ sơn nhà, các công trình xây dựng.Thu nhập bình quân hàng tháng của A từ 9 triệu đến 10 triệu đồng/tháng. Nơi làm việc của A thường xuyên thay đổi theo công trình, hết công trình này lại đến công trình khác. Vì làm tự do nên A không có giấy tờ, tài liệu chứng minh thu nhập nộp cho Tòa án.

Về tài sản, công nợ chung: A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn L là bố đẻ A H trình bày: vợ chồng chị Đ A H tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán vào năm 2010. Sau khi kết hôn chị Đ ở nhà sinh con và đi làm tự do tại quê nhà, còn A H đi làm nghề thợ cơ khí sửa ô tô. Về mâu thuẫn vợ chồng A H chị Đ cụ thể như thế nào ông

không nắm rõ, tuy nhiên ông biết con trai ông - A H cũng có những lỗi lầm, còn ham chơi, ít quan tâm đến vợ con và gia đình; còn chị Đ là người ngang bướng không bao giờ nghe lời góp ý của ai, gia đình ông cũng có nói chuyện góp ý với chị Đ nhiều lần là thôi nghĩ vì con cái còn nhỏ mà quay về với A H cùng nhau nuôi dạy con cho tốt, A H là con trai rồi cũng đến lúc pH thay đổi nhưng chị Đ không nghe. Cách đây khoảng 02 năm chị Đ đi làm trên Thái Nguyên, hai con chung của A H chị Đ hiện đang ở với vợ chồng ông. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn A H quan điểm ông không muốn những chuyện như thế xảy ra nên kính mong Quý Tòa xem xét giải quyết tạo điều kiện cho chị Đ và A H quay về chung sống với nhau. Tuy vợ chồng chị Đ A H được vợ chồng ông tách riêng hộ khẩu nhưng thực tế vợ chồng con cái A H từ khi cưới cho đến nay vẫn sống chung một nhà với vợ chồng ông. Nay A H không còn làm thợ cơ khí sửa ô tô nữa mà đi làm thợ sơn nhà, các công trình xây dựng, thỉnh thoảng đi làm công trình xa nhà.

*Tại biên bản xác minh ngày 08/10/2019, chính quyền địa phương xã VT cung cấp:*Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1987, là người gốc ở thôn BC, xã NS, huyện KB, tỉnh Hòa Bình kết hôn với A Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 có đăng ký tại UBND xã VT ngày 18/3/2010 ; Sau khi kết hôn chị Đ chuyển hộ khẩu và về chung sống với A H cùng bố mẹ A H tại nhà A H ở thôn NX, xã VT, huyện UH, thành phố Hà Nội nhưng vợ chồng A H chị Đ được tách hộ khẩu riêng. Khoảng 02 năm nay chị Đ không còn sinh sống thường xuyên cùng A H ở nhà bố mẹ đẻ A H nữa, chính quyền địa phương chỉ thấy ba bố con A H ở nhà với bố mẹ đẻ A H. Về mâu thuẫn vợ chồng A H với chị Đ cụ thể như nào chính quyền địa phương không nắm rõ, tuy nhiên ở địa phương A H cũng là đối tượng ham chơi bời, mặc dù đã có gia đình nhưng vẫn mải chơi, không tu chí làm ăn. A H và chị Đ có 02 con chung Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 11/9/2011 và Nguyễn Ngọc Thùy C, sinh ngày 12/3/2015. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn A H, quan điểm chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy Đ pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các công dân.

Về nơi cư trú hiện tại của A H và việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho A H: A Hvẫn thường xuyên sinh sống tại địa phương và sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ nhưng vì tính chất công việc của A H nay đây mai đó, không ổn Đ nên Tòa án cùng chính quyền địa phương xuống nhà nhưng không gặp trực tiếp A H, không tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho A H được, Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bố đẻ A H, bố đẻ A H nhận trách nhiệm giao lại ngay trong ngày các văn bản tố tụng của Tòa án cho A H.

Tại phiên tòa, chị Đ và A H đều vắng mặt, chị Đ có đơn trình bày quan điểmvẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây vàkhông xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UHphát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy Đ về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy Đ. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy Đ của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị Đđược ly hôn với A H; giao cả hai con chung cho chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị ĐpH nộp án phí ly hôn theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Đ làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy Đ của pháp luật. Đây là vụ án trA chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập A Hđến Tòa để hòa giải, A H có mặt tham gia buổi hòa giải nhưng kết thúc buổi hòa giải Tòa án công bố nội dung Biên bản hòa giải, A H được tự đọc lại nội dung Biên bản hòa giải và công nhận Biên bản hòa giải ghi đúng lời khai của mình nhưng cương quyết không ký biên bản hòa giải mặc dù đã được nghe Tòa án giải thích và A H hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Các buổi làm việc sau đó và tại phiên tòa, A H đềukhông chấp hành, đều vắng mặt không có lý do thể hiện sự chống đối,chị Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy Đ tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và A Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyệnUHngày 18/3/2010là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do A Hcòn ham chơi, không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Hai vợ chồng đã có thời gian sống ly thân khoảng 8 tháng nay, chị Đ cương quyết xin được ly hôn với A H.A H không đồng ý ly hôn với lý do A vẫn còn tình cảm với chị Đ và thương hai con A còn nhỏ, tuy nhiên A H không đến tham gia các buổi làm việc khác của Tòa, cũng không có động thái gì thể hiện việc muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà đây chỉ là cái cớ để A H gây ảnh hưởng đến việc thiết lập cuộc sống mới của chị Đ.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Đvới A H là căng thẳng, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Đ, xử cho chị Đđược ly hôn với A H là phù hợp với quy Đ củaKhoản 1 Điều 56Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Đ và A Hcó 02 con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 11/9/2011 và Nguyễn Ngọc Thùy C, sinh ngày 12/3/2015. Hiện tạicả hai cháu đều đang ở với ông bà nội. Chị Đ có nguyện vọng sau khi ly hôn chị được nuôi dưỡng cả hai cháu và chị không yêu cầu A H pH cấp dưỡng nuôi con cho chị. Xét, hiện A H làm công việc thợ sơn nhà, đi làm theo công trình, hết công trình này đến công trình khác, nay đây mai đó, không ổn Đ; hai cháu lại là con gái, còn nhỏ; cháu Vân A cũng trình bày quan điểm trường hợp chị Đ và A H ly hôn thì cháu ở với ai cũng được; mặt khác, chị Đ có công việc và chỗ ở ổn Đ; từ trước đến nay hai cháu đều sống cùng nhau, để tránh việc Ca rẽ hai cháu làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cả hai cháu nên giao cả hai cháu cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy Đ của pháp luật; chị Đ không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với A H cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi mới là phù hợp với quy Đ của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Đ và A H đềukhông yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đ pH nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáotheo quy Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1.Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Đđược ly hôn A Nguyễn Văn H.

2.Về con chung: Chị Bùi Thị Đ và A Nguyễn Văn H có 02con chung là: Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 11/9/2011 và Nguyễn Ngọc Thùy C, sinh ngày 12/3/2015. Sau l y hôn giao cả hai cháu Nguyễn Thị Vân A và Nguyễn Ngọc Thùy C cho chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với A H cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn A H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó".

3.Về tài sản, công nợchung: Chị Đ và A H đềukhông yêu cầu giải quyết.

4.Về án phí: Chị Bùi Thị ĐpH nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009317ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại C cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- C cục THADS huyện□ng Hoà;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện